



mín zhái

民宅

noun · private residence; civilian house

Example Sentences

Zhè tiáo jiē shàng yǒu hěn duō lǎo mín zhái
这条街上有很多老民宅。

There are many old private residences on this street.

Jīng chá sōu chá le jǐ chù mín zhái dàn méi yǒu fā xiàn xiàn suǒ
警察搜查了几处民宅，但没有发现线索。

The police searched several private residences but found no clues.

Trace each character, then write the word on your own.

民	民	民	民	民	民	民	民				
宅	宅	宅	宅	宅	宅	宅	宅	宅			